

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2024-2025

(Biểu mẫu 10 Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017

của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	341	101	98	81	61
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	291 85,34%	90 89,11%	87 88,78%	60 74,1%	52 85,25%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	50 14,46%	11 10,89%	11 11,22%	21 25,9%	9 14,75%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0 0,00%	0 0,00%	0 0,00%	0 0,00%	0 0,00%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0 0,00%	0 0,00%	0 0,00%	0 0,00%	0 0,00%
II	Số học sinh chia theo học lực	335	86	94	72	83
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	52 15,25%	11 10,89%	19 19,39%	14 17,28%	8 13,11%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	77 22,58%	29 28,71%	21 21,43%	18 22,22%	9 14,75%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	202 59,24%	60 59,41%	55 56,12%	43 53,09%	44 72,13%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	10 2,93%	1 0,99%	3 3,06%	6 7,41%	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	341	101	98	81	61
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	331 97,1%	100 99%	95 96,9%	75 92,6%	61 100%
a	Học sinh Xuất sắc	2.05%	0.99%	1.02%	1.23%	6.56%

	(tỷ lệ so với tổng số)					
b	Học sinh Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	13.20 %	9.90%	18.37 %	16.05 %	6.56%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	2.93%	0.99%	3.06%	7.41%	0.00%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	2.93%	0.99%	3.06%	7.41%	0.00%
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	1.47%	2.97%	2.04%	0.00%	0.00%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	1 1,23%	1 1,64%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	8				
2	Cấp tỉnh/thành phố					
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	61				61
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	61				61
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nữ	177	52	52	39	34
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	70	31	19	10	10

Đồng Tâm, ngày 30 tháng 6 năm 2025
HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Chung

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở
Năm học 2025-2026

(Biểu mẫu 09 Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	- Những học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học, sinh năm 2011-2014; - Trường hợp đặc biệt: Những học sinh được học vượt lớp hoặc học sinh được vào học tiểu học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định ở tiểu học thì tuổi vào lớp 6 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi của năm tốt nghiệp Tiểu học. - Học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh ở nước ngoài về nước có thể vào cấp học ở tuổi cao hơn ba tuổi so với tuổi quy định.	- Học sinh hoàn thành chương trình lớp 6 và đủ điều kiện lên lớp. - Học sinh không được lưu ban quá hai lần trong một cấp học.	- Học sinh hoàn thành chương trình lớp 7 và đủ điều kiện lên lớp. - Học sinh không được lưu ban quá hai lần trong một cấp học.	- Học sinh hoàn thành chương trình lớp 8 và đủ điều kiện lên lớp. - Học sinh không được lưu ban quá hai lần trong một cấp học.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Thực hiện chương trình 37 tuần theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chương trình nhà trường. - Đảm bảo dạy đủ các môn học theo quy định. - Căn cứ chương trình giáo dục và biên chế năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch và thời khoá biểu để điều hành hoạt động dạy học hợp lý.			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Nhà trường tổ chức giảng dạy và giáo dục học sinh theo qui định của Bộ GD&ĐT. - Tổ chức họp CMHS định kỳ 3 lần trong năm học, thông qua kế hoạch, mục tiêu, xây dựng quy chế phối hợp giữa nhà trường, phụ huynh trong việc giáo dục học sinh. - Kết hợp chặt chẽ 3 môi trường giáo dục (nhà trường, gia đình, xã hội). Nhà trường phối hợp thường xuyên, chặt chẽ với gia đình và địa phương để giáo dục học sinh theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành. Đảm bảo thông tin hai chiều giữa nhà trường và gia đình. - Gia đình quản lý việc học và làm bài ở nhà của học sinh; thường xuyên kết hợp chặt chẽ với nhà trường. - Học sinh chuẩn bị và làm bài đầy đủ, chủ động tích cực trong học tập.			
IV	Các hoạt	Tổ chức các hoạt động và phong trào thi đua học tốt.			

	động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Tổ chức các phong trào giáo dục truyền thống, đạo đức, pháp luật và phòng chống các tệ nạn xã hội, phòng chống dịch bệnh. - Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Không có học sinh vi phạm pháp luật. - Hạnh kiểm khá tốt đạt 99.43%. - Học sinh lên lớp thẳng 99.15%. - Học sinh tốt nghiệp THCS 100%. - 100% học sinh có đủ sức khỏe để tham gia học tập.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Học sinh có khả năng tiếp thu học tập ở cấp học cao hơn. - 95% học sinh tham gia học tiếp sau tốt nghiệp THCS.

Đồng Tâm, ngày 30 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Chung

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất, năm học 2025-2026

(Biểu mẫu 11 Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	10	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	10	1,4
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	13	1,4
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		
7	Bình quân lớp/phòng học		1/1
8	Bình quân học sinh/lớp		32
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	20.000	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	15.0224	
VI	Tổng diện tích các phòng	1.776	
1	Diện tích phòng học (m ²)	48	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	48	
3	Diện tích thư viện (m ²)	48x2	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng	24	

	truyền thống (m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	13	
1.2	Khối lớp 7	15	
1.3	Khối lớp 8	13	
1.4	Khối lớp 9	14	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	2	Số bộ/lớp
2.1	Khối lớp 6		
2.2	Khối lớp 7		
2.3	Khối lớp 8		
2.4	Khối lớp 9		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	64	1 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	10	
2	Cát xét	8	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	10	
5	Thiết bị khác...		
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	10	
2	Cát xét	8	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	10	

5	Thiết bị khác...		
---	------------------	--	--

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1	0	2	0	0,22
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Đồng Tâm, ngày 30 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Chung

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
Năm học 2025-2026**

*(Biểu mẫu 12 Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			T	S	Đ	H	C	D	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	30			28	2				2	28		16	14	
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	23							1	22		12	10		
1	Toán	4			4										
2	Lý	1			1										
3	Hóa	1			1										
4	Sinh	1			1										
5	Văn	3			3										
6	Sử	1			1										
7	Địa	1			1										
8	Anh	2			1	1									
9	GDCD														
10	CN	1			2										
11	Thể dục	2			2										
12	Âm nhạc	1			1										

13	Tin học	1			1										
14	Mỹ Thuật	1			2										
15	TPT Đội	1			1										
II	Cán bộ quản lý														
1	Hiệu trưởng	1			1										
2	Phó hiệu trưởng	1			1										
III	Nhân viên														
1	Nhân viên văn thư (PCGD)	1			1										
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1			1	1									
5	Nhân viên thư viện	1			1										
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														

Đồng Tâm, ngày 30 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Chung

